TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập - Tự do - Hạnhphúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-03-2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vi Văn Hải**

2. Ông **Thái Quang Thọ**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đặng Trần Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 về : " Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị **Lê Thị L,** sinh năm 1994.

ĐKHKTT: Thôn C, xã Tân Lập, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: - Anh **Chu Trung K**, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: Khu H, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 3, phân trại số 1, trại giam H - xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

(Chị L, anh K đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Chu Trung K có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/11/2012, tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không hòa hợp, hay cãi nhau vì do anh

K chơi bời dẫn đến phạm tội và hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 3, phân trại số 1, trại giam H - xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh K.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh K hiện đang chấp hành án tại trại giam H - xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái nên Tòa án nhân dân thị xã Phú thọ đã ra quyết định ủy thác và đã được Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái tiến hành lấy lời khai và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Anh K xin giải quyết và xét xử vắng mặt, đồng thời trong biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, anh K trình bày: Anh và chị Lê Thị L đăng ký kết hôn ngày 13/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không hòa hợp, khác nhau về cách sống, cách suy nghĩ nên đã sống ly thân. Từ năm 2013 đến năm 2021, không còn quan tâm đến nhau. Năm 2021, thì anh vi phạm pháp luật và đi chấp hành án tại trại giam H - Cục C10 - Bộ công an đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn, chị L xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Chu Trung K.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chấp nhận ý kiến của chị L về việc xin chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị Lê Thị L và anh Chu Trung K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Chu Trung K có nơi cư trú tại khu H, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã có lời trình bày tại Tòa án, anh K vì phải đang chấp hành án tại Trại giam H - Cục C10 - Bộ công an nên không đến Tòa án làm việc được nhưng đã có lời khai trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai của Tòa án huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau đó Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh K không đến Tòa án để làm việc nhưng anh đã có lời khai và trình bày quan điểm của mình nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Chị L, anh K đều xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 điều 228 ; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Lê Thị L kết hôn với anh Chu Trung K ngày 16/11/2010, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại: xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không hoà hợp, anh K chơi bời dẫn đến phạm tội và hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 3, phân trại số 1, trại giam H - xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Quá trình giải quyết vụ án, anh K đã có quan điểm trình bày của mình tại biên bản lấy lời khai của Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái thể hiện quan điểm là vợ chồng trong quá trình chung sống cũng đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,không có tiếng nói chung, không hợp nhau, khác nhau về cách sống, cách suy nghĩ nên đã sống ly thân. Từ năm 2013 đến năm 2021, không còn quan tâm đến nhau. Năm 2021, thì anh vi phạm pháp luật và đi chấp hành án tại trại giam H - Cục C10 - Bộ công an đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn, chị L xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn.. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị L xin ly

hôn anh K là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Đồng thời chị L và anh K đều đồng ý ly hôn nên cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh K.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị L và anh K đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị L xin tự nguyện chịu 150.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228; Điều 238 ; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố Tụng Dân sự; khoản 1 điều 51, điều 55, Luật Hôn nhân và gia đình ; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Chu Trung K.

2. Về án phí: Chị Lê Thị L xin chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) (do bà Nguyễn Thị M nộp thay) theo biên lai số 0002716 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho chị L là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơinhận:
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Chi cục THAdân sự thị xã Phú Thọ;
- UBND xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS,VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Ngọc Hà